



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Bến Tre

Số 11

Ngày 16 tháng 5 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- | | | |
|------------|--|----|
| 24-04-2024 | Nghị quyết số 03/NQ-HĐND về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (vốn sự nghiệp) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024. | 3 |
| 24-04-2024 | Nghị quyết số 04/NQ-HĐND về việc giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I trong dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024. | 8 |
| 24-04-2024 | Nghị quyết số 05/NQ-HĐND thông qua việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2024. | 10 |
| 24-04-2024 | Nghị quyết số 06/NQ-HĐND về việc sử dụng ngân sách tỉnh Bến Tre đối ứng thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bến Tre, đề đầu tư xây dựng cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo phương thức đối tác công tư. | 12 |
| 24-04-2024 | Nghị quyết số 07/NQ-HĐND về việc phê duyệt tổng biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội và số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của | 14 |

tỉnh Bến Tre năm 2024.

24-04-2024 Nghị quyết số 08/NQ-HĐND về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre. 17

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:03/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 24 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (vốn sự nghiệp) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 12
(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025;

Xét Tờ trình số 2240/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (vốn sự nghiệp) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (vốn sự nghiệp) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024 với tổng số tiền là **20.166.328.230 đồng** (Hai mươi tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi đồng). Trong đó:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 14.830.328.230 đồng.
2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 5.336.000.000 đồng.
(Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc giao dự toán chi tiết cho từng cơ quan, đơn vị để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 12 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

Phụ lục**PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHƯA GIẢI NGÂN HẾT TRONG NĂM 2023 (VỐN SỰ NGHIỆP) CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM 2024***(Kèm theo Nghị quyết số 03 /NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

STT	Nội dung thực hiện	Kế hoạch phân bổ vốn (đồng)		
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh
I	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	14.830.328.230	14.099.494.404	730.833.826
1	Công tác thực hiện quy hoạch	686.833.826	0	686.833.826
2	Phát triển hạ tầng kinh tế – xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn – đô thị và kết nối các vùng miền	9.690.000.000	9.690.000.000	0
3	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	230.000.000	230.000.000	0
4	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn	3.140.000.000	3.140.000.000	0
5	Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	126.000.000	90.000.000	36.000.000

STT	Nội dung thực hiện	Kế hoạch phân bổ vốn (đồng)		
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh
6	Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy chuyển đổi số trong nông thôn mới, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	10.000.000	10.000.000	0
7	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	230.000.000	222.000.000	8.000.000
8	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	717.494.404	717.494.404	0
II	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	5.336.000.000	5.081.000.000	255.000.000
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	4.590.000.000	4.371.000.000	219.000.000

STT	Nội dung thực hiện	Kế hoạch phân bổ vốn (đồng)		
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh
2	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	746.000.000	710.000.000	36.000.000

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:04 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 24 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao
bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I trong dự toán
chi ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 12
(KỲ HỌP ĐỀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm
2024;*

*Thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;*

*Xét Tờ trình số 2242/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm
vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán
cấp I trong dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban
kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thực hiện trong dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 12 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:05/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 24 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Thông qua việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 12
(KỲ HỌP ĐỀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số

45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét Tờ trình số 1929/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2024, cụ thể như sau:

STT	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024	Địa bàn áp dụng (huyện, thành phố)
01	1,40	Chợ Lách, Giồng Trôm, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam
02	1,60	Ba Tri, Bình Đại, Châu Thành, Thạnh Phú
03	1,70	Thành phố Bến Tre

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định cụ thể hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2024 và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 12 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số:06 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 24 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc sử dụng ngân sách tỉnh Bến Tre đối ứng thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bến Tre, để đầu tư xây dựng cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo phương thức đối tác công tư

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 12
(KỲ HỌP ĐỀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư các dự án đường bộ theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Xét Tờ trình số 1953/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết sử dụng ngân sách tỉnh Bến Tre đối ứng thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bến Tre, để đầu tư xây dựng cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo phương thức đối tác công tư; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất sử dụng ngân sách tỉnh Bến Tre đối ứng thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bến Tre, để đầu tư xây dựng cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo phương thức đối tác công tư, cụ thể như sau:

1. Sử dụng ngân sách tỉnh Bến Tre 332 tỷ đồng, để đối ứng thanh toán chi phí giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bến Tre, thuộc dự án đầu tư xây dựng cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo phương thức đối tác công tư (ngân sách tỉnh Bến Tre không chi cho các nội dung khác của dự án).

2. Khả năng phân bổ nguồn vốn đầu tư để đối ứng cho dự án: Cân đối trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh) và phân bổ chuyên tiếp trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2026-2030; cân đối, phân bổ kế hoạch vốn phù hợp với tiến độ triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo phương thức đối tác công tư (Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ làm cơ quan có thẩm quyền).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá X, kỳ họp thứ 12 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH**Hồ Thị Hoàng Yến**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số:07/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 24 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt tổng biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội và số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của tỉnh Bến Tre năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 12
(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 77-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bến Tre năm 2022 - 2026;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2415-QĐ/BTCTW ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Tổ chức Trung ương về việc biên chế của tỉnh Bến Tre năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 976-QĐ/TU ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân bổ biên chế cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện năm 2024;

Xét Tờ trình số 1950/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội và số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của tỉnh Bến Tre năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội của tỉnh Bến Tre năm 2024 là 21.712 biên chế (giảm 181 biên chế so với năm 2023), cụ thể như sau:

1. Tổng số biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là 1.739 biên chế (giảm 08 biên chế so với năm 2023).

2. Tổng số lượng người làm việc (biên chế viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập là 19.837 biên chế (giảm 173 biên chế so với năm 2023, gồm giảm 411 biên chế theo lộ trình, bổ sung 238 biên chế giáo viên), cụ thể:

a) Tổng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được phê duyệt (tính giảm theo lộ trình) là 19.329 biên chế.

b) Bổ sung biên chế giáo dục mầm non và phổ thông công lập:

Từ năm học 2022 - 2023: thực hiện theo Quyết định số 77-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2022 - 2026: 270 biên chế (*mầm non: 222 biên chế; tiểu học 42 biên chế; trung học phổ thông: 06 biên chế*).

Từ năm học 2023 - 2024: 238 biên chế (*nhà trẻ: 51 biên chế; mẫu giáo: 157 biên chế; tiểu học: 30 biên chế*).

3. Tổng số lượng người làm việc trong các tổ chức hội là 136 người (giữ nguyên như năm 2023).

Điều 2. Số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ

Số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ được ký kết tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công lập nhóm 4 trên địa bàn tỉnh năm 2024 để làm

công việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chưa được bố trí đủ theo định mức theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập là 366 hợp đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định giao biên chế cán bộ, công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập; các tổ chức hội; quyết định số lượng hợp đồng lao động trong phạm vi tổng biên chế, số lượng người làm việc, số lượng hợp đồng lao động được phê duyệt tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết này. Thời gian thực hiện tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

b) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và đảm bảo bố trí kinh phí từ ngân sách để thực hiện số lượng hợp đồng lao động tại Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, khóa X, kỳ họp thứ 12 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:08/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 24 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 12
(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 1948/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã năm 2024 của tỉnh Bến Tre là 3.296 người, phân bổ như sau:

a) Huyện Châu Thành: 429 người (bao gồm 05 người tăng thêm).

- b) Huyện Ba Tri: 489 người (bao gồm 11 người tăng thêm).
- c) Huyện Bình Đại: 411 người (bao gồm 01 người tăng thêm).
- d) Huyện Chợ Lách: 238 người (bao gồm 08 người tăng thêm).
- đ) Huyện Mỏ Cày Bắc: 274 người (bao gồm 06 người tăng thêm).
- e) Huyện Mỏ Cày Nam: 338 người (bao gồm 10 người tăng thêm).
- g) Huyện Giồng Trôm: 441 người (bao gồm 07 người tăng thêm).
- h) Huyện Thạnh Phú: 370 người (bao gồm 02 người tăng thêm).
- i) Thành phố Bến Tre: 306 người (bao gồm 08 người tăng thêm).

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024 của tỉnh Bến Tre là 2.032 người, phân bổ như sau:

- a) Huyện Châu Thành: 261 người (bao gồm 05 người tăng thêm).
- b) Huyện Ba Tri: 305 người (bao gồm 11 người tăng thêm).
- c) Huyện Bình Đại: 251 người (bao gồm 01 người tăng thêm).
- d) Huyện Chợ Lách: 150 người (bao gồm 08 người tăng thêm).
- đ) Huyện Mỏ Cày Bắc: 170 người (bao gồm 06 người tăng thêm).
- e) Huyện Mỏ Cày Nam: 210 người (bao gồm 10 người tăng thêm).
- g) Huyện Giồng Trôm: 273 người (bao gồm 07 người tăng thêm).
- h) Huyện Thạnh Phú: 226 người (bao gồm 02 người tăng thêm).
- i) Thành phố Bến Tre: 186 người (bao gồm 08 người tăng thêm).

3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động được bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã và cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

4. Không bố trí tăng thêm số lượng công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tại các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
- 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, khóa X, kỳ họp thứ 12 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 07, Cách mạng tháng Tám, Phường An Hội, TP.Bến Tre;

Điện thoại liên hệ: 0275.3822115 - 3827529; Fax: 0275.3822134;

E-mail: congbaobentre@bentre.gov.vn;

Website: congbao.bentre.gov.vn